TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ B** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:48/2021/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 16 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH T

Căn cứ Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 31/5/2021;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Khoản 1 mục I phần B danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án thụ lý số:74/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1/ Anh Phạm Văn C - sinh năm 1984

Trú tại: Khu phố 13, phường N, thị xã B, tỉnh T

2/ Chị Phan Thùy D - sinh năm 1996

Trú tại: Khu phố 5, phường B, thị xã B, tỉnh T

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là việc dân sự về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND thị xã B, tỉnh T theo quy định tại Điều 29 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Phan Thùy D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND phường N, thị xã B, tỉnh T cấp đăng ký kết hôn ngày 17/02/12017, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì không hợp nhau, mức lương thu nhập của hai vợ chồng chênh lệch dẫn đến hay cãi cọ. Đến nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mâu

thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã ly thân 7 tháng nay không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, hai bên làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Phạm Đức T(nam) sinh ngày 06/12/2017. Hai bên thỏa thuận giao cháu T cho chị Phan Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên, anh Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000(hai triệu, năm trăm ngàn đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 05/2021 đến khi cháu Thịnh đến tuổi thành niên.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Văn C và chị Phan Thùy D mỗi người nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Văn C và chị Phan Thùy D thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung: Cháu tên là Phạm Đức T(nam) sinh ngày 06/12/2017. Hai bên thỏa thuận giao cháu T cho chị Phan Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu đến tuổi thành niên, anh Phạm Văn C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.500.000(hai triệu, năm trăm ngàn đồng. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 05/2021 đến khi cháu T đến tuổi thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì quyền lợi của con cái, khi cần thiết, các bên đương sự được quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

2. Lệ phí ly hôn sơ thẩm anh Phạm Văn C nộp 150.000đ(Một trăm năm mươi ngàn đồng), chị Phan Thùy D nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Chuyển tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ anh C, chị D đã nộp tại Chi Cục thi hành án Dân sự thị xã B theo biên lai số: AA/2019/0007278 ngày 01/6/2021 sang tiền lệ phí cho cả hai người. Như vậy, anh C, chị D đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành có hiệu lực pháp luật và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về Thi hành án dân sự.

4. Các bên có quyền đề nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

6. ***Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.***

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh T*
- *VKSND thị xã B*
- *Chi cục THADS thị xã B*
- *UBND phường N(T02/2017);*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

TỐNG THỊ HÀ